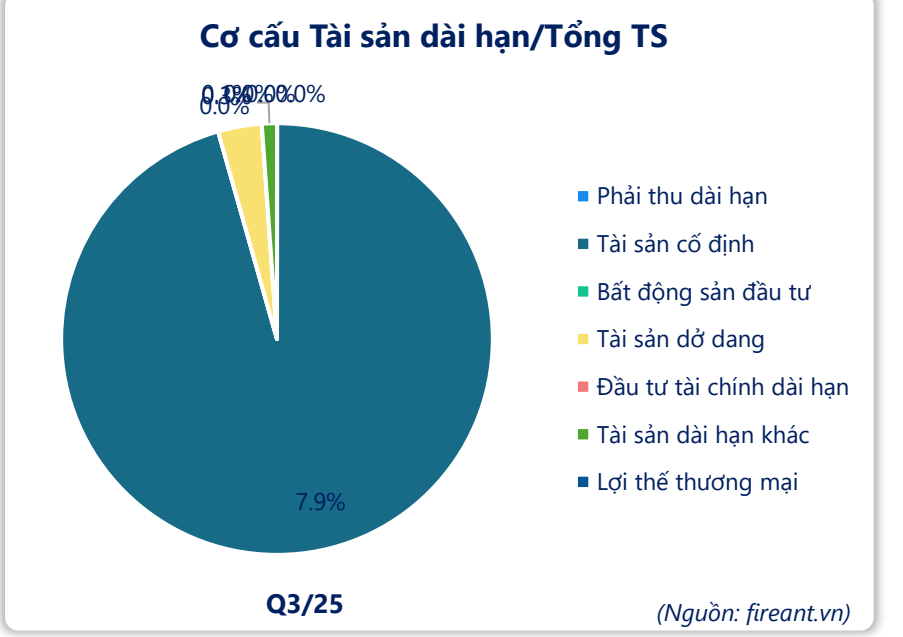
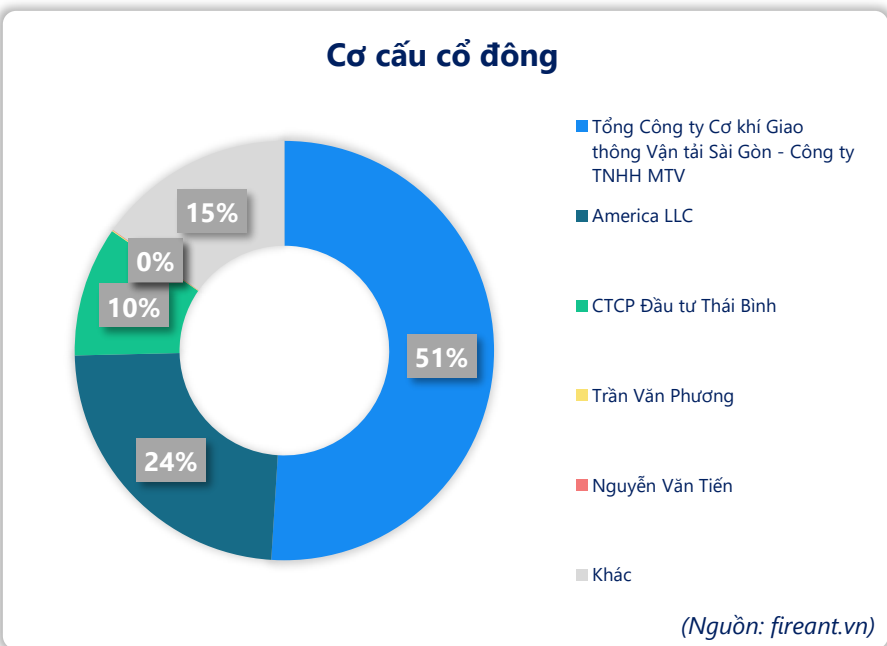
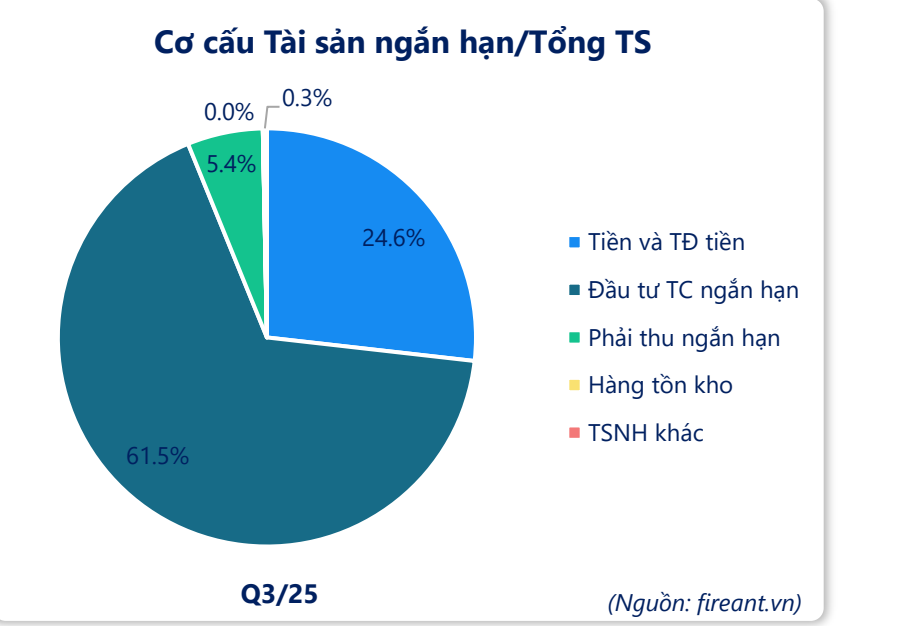
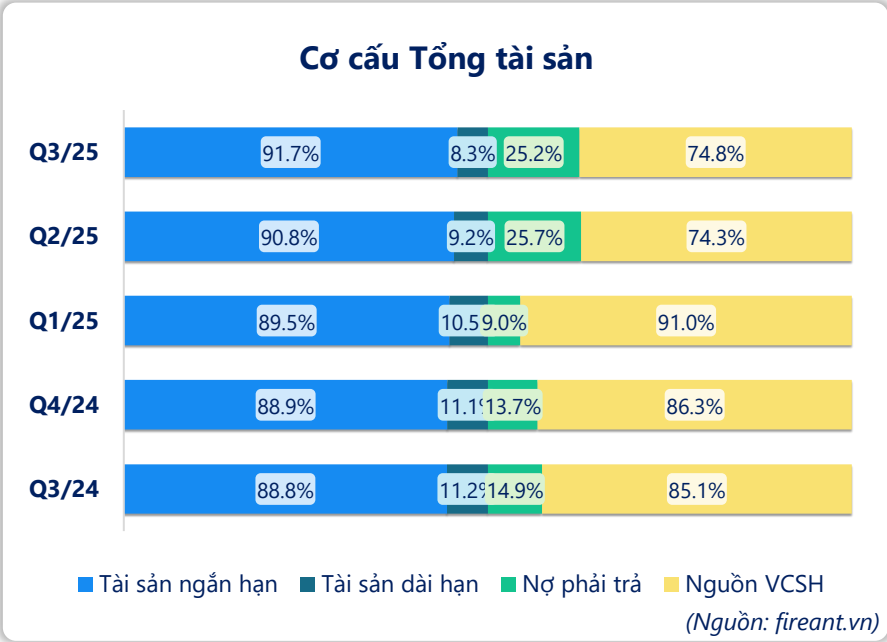
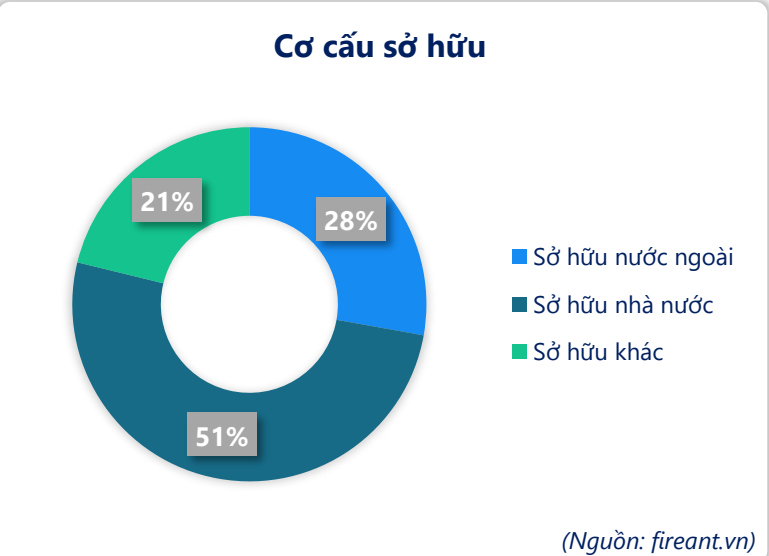
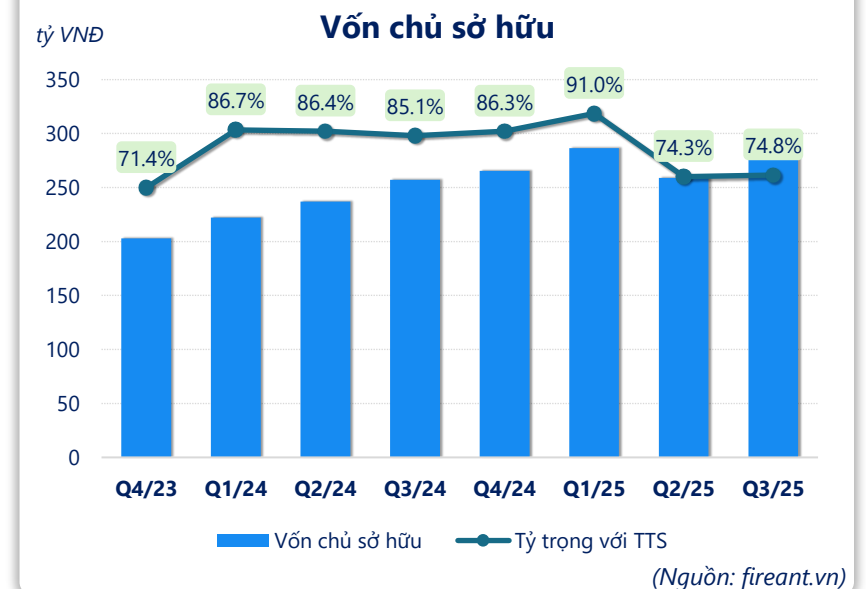
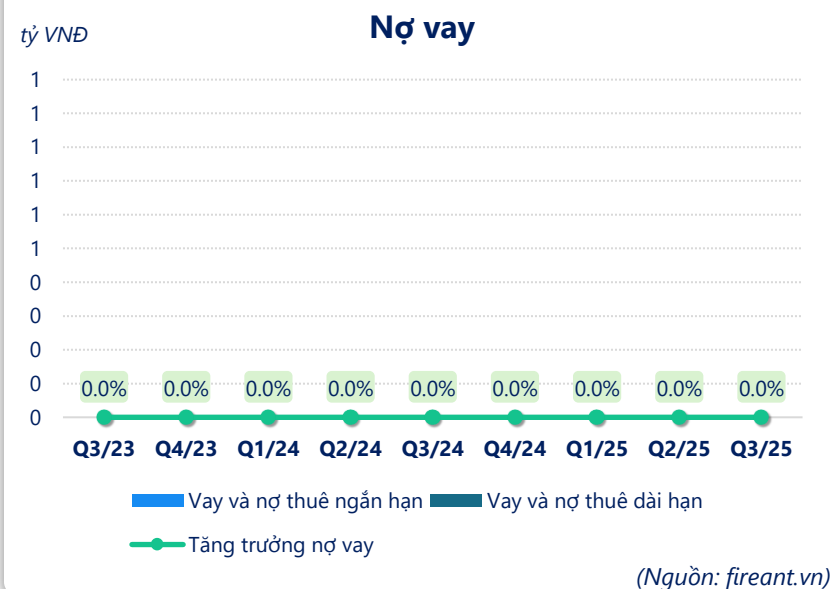
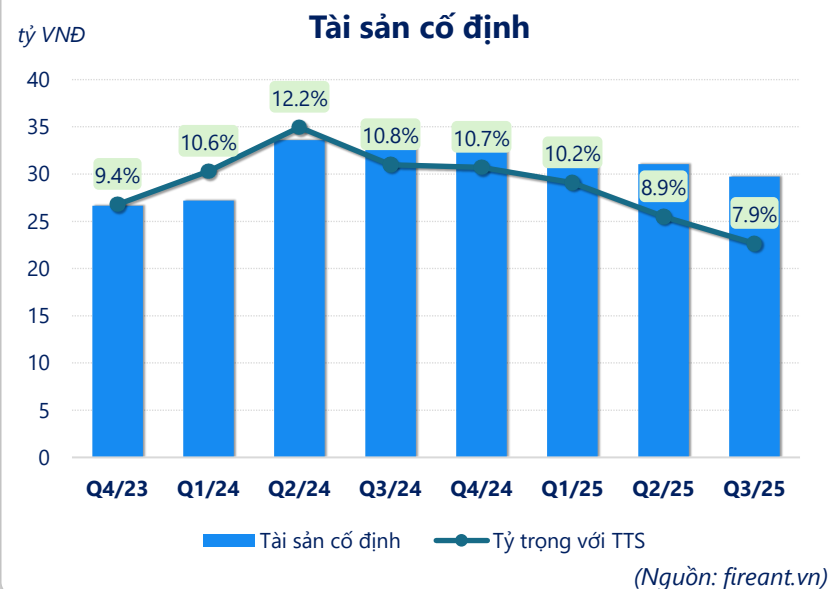
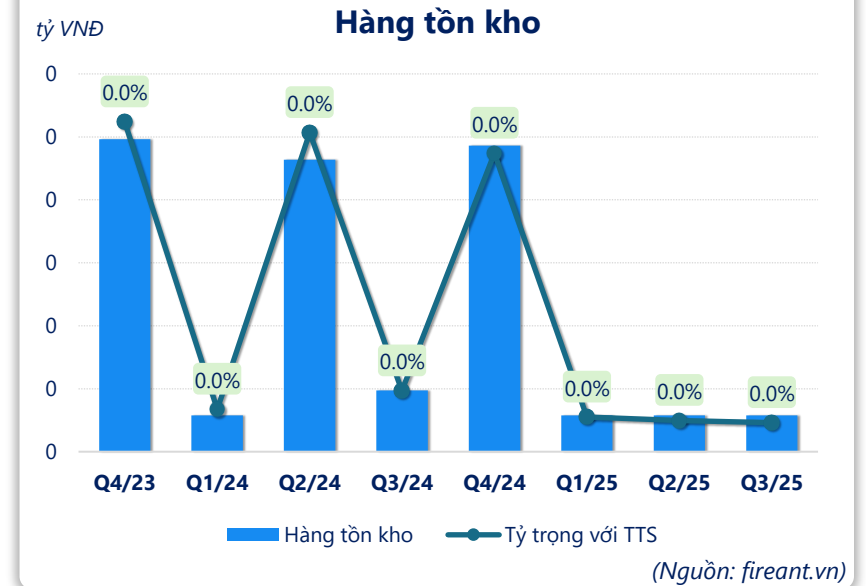
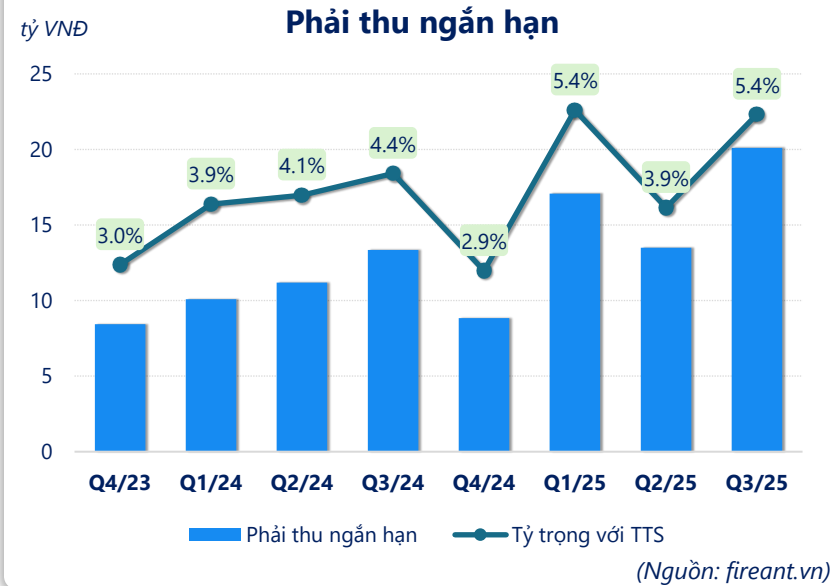
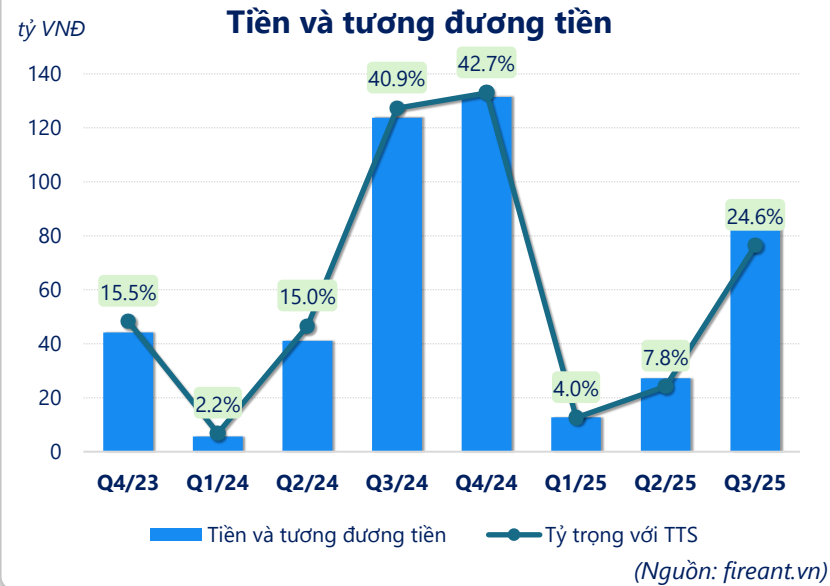
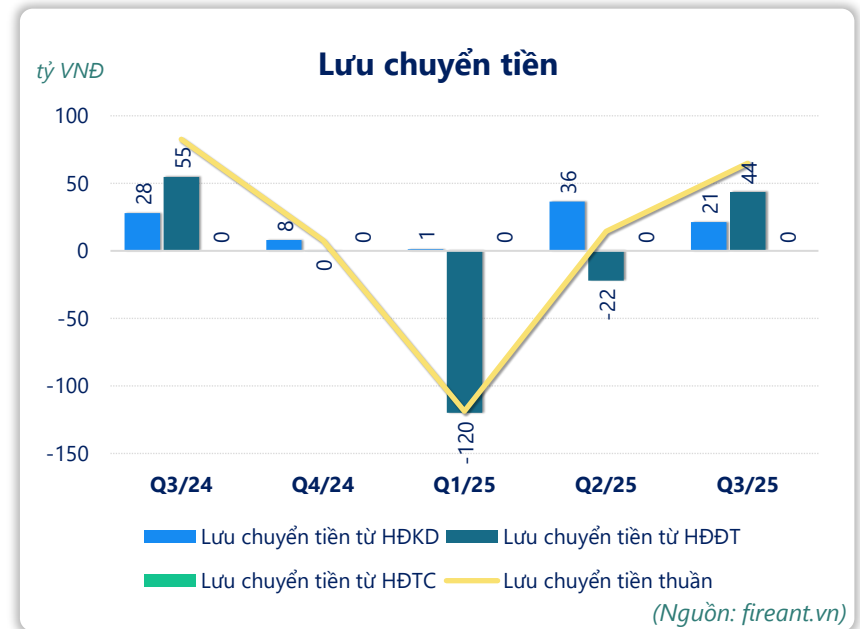
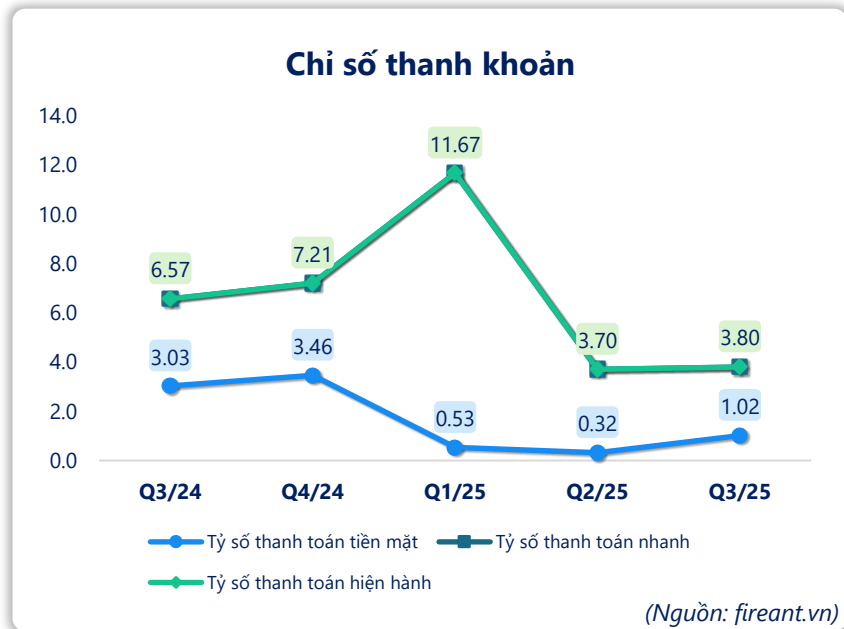
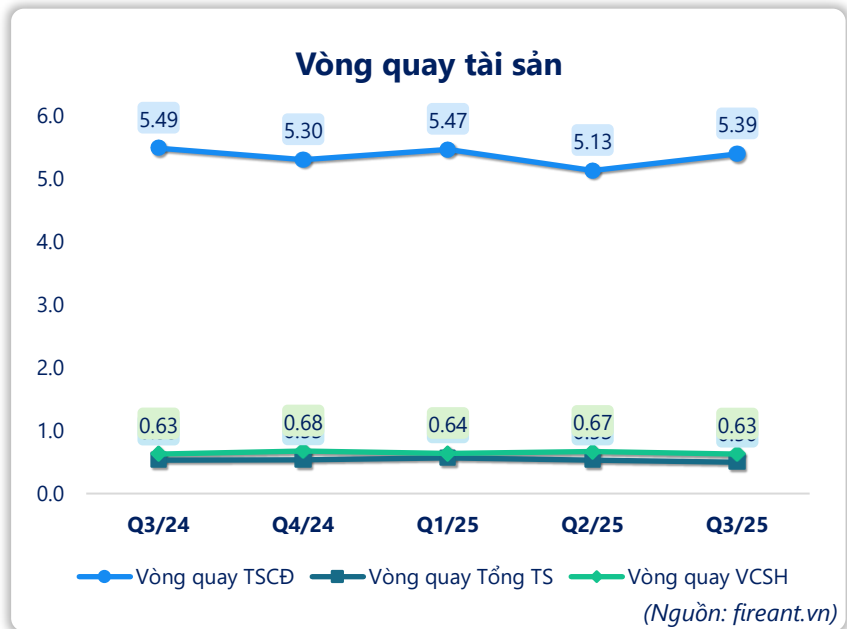
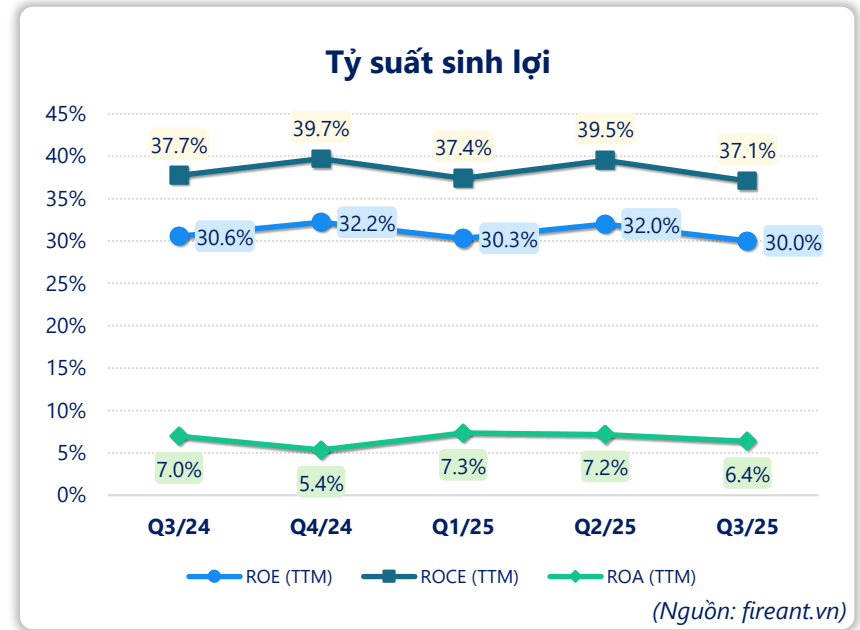
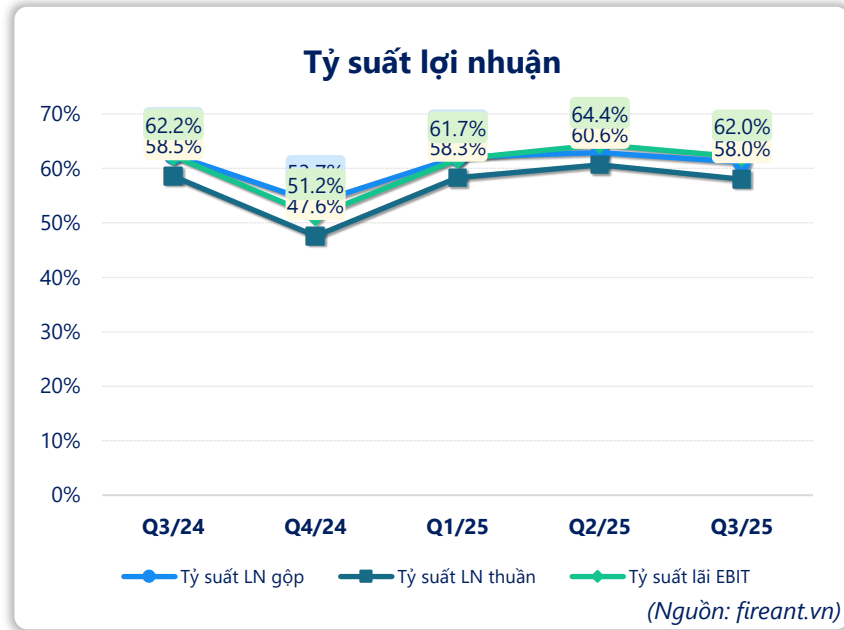
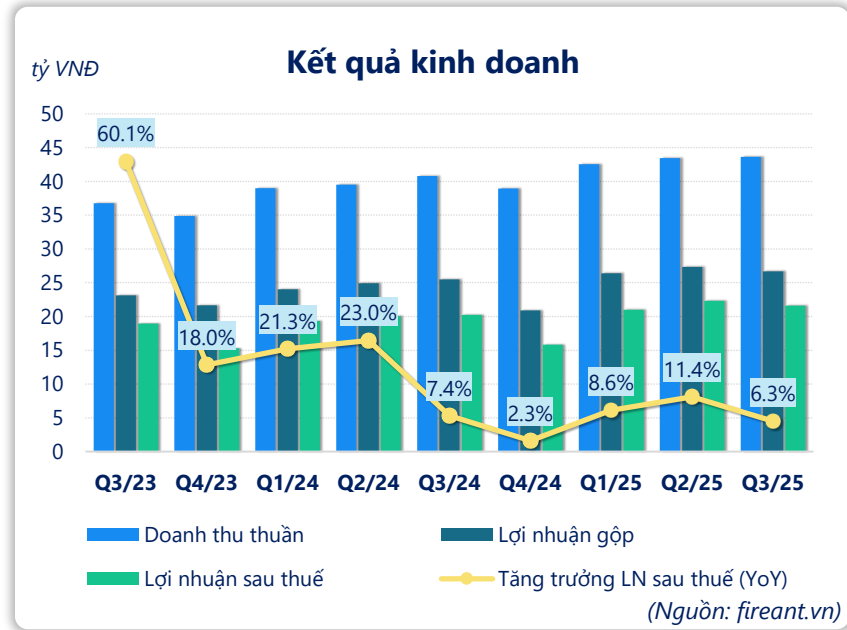


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		305,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		366,702
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		208,353
SL cổ phiếu LH		2,999,967
KLGD BQ 20 phiên (CP)		325
% sở hữu nước ngoài		27.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		917
P/E		11.4
EPS		26,905

	YTD	1T	3T	6T
WCS	28.7%	3.0%	3.9%	4.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	375	308	21.9%
Tài sản ngắn hạn	344	274	25.7%
Tiền và tương đương tiền	92.2	131	-29.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	231	131	76.6%
Phải thu ngắn hạn	20.1	8.84	127%
Hàng tồn kho	0.01	0.10	-88.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	2.57	-58.4%
Tài sản dài hạn	31.1	34.1	-8.7%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	29.7	33.1	-10.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.02	0.59	72.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.35	0.41	-15.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.6	42.0	125%
Nợ ngắn hạn	90.4	38.0	138%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.21	0.19	13.3%
Nợ dài hạn	4.16	4.07	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	280	266	5.6%
Vốn chủ sở hữu	280	266	5.6%
Vốn điều lệ	30.0	25.0	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	40.8	39.0	42.5	43.5	43.6
Giá vốn hàng bán	15.3	18.0	16.1	16.1	17.0
Lợi nhuận gộp	25.5	20.9	26.4	27.3	26.7
Doanh thu HĐTC	2.42	2.61	2.70	3.19	3.60
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.03	4.99	4.32	4.17	4.96
LN thuần từ HĐKD	23.9	18.5	24.8	26.4	25.3
Lợi nhuận khác	1.51	1.43	1.44	1.61	1.76
LN trước thuế	25.4	20.0	26.2	28.0	27.1
Lợi nhuận sau thuế	20.2	15.8	21.0	22.3	21.6
LNST của CĐ cty mẹ	20.2	15.8	21.0	22.3	21.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.9	8.01	1.28	36.4	21.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	54.7	-0.26	-120	-22.0	43.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	41.1	124	131	12.7	27.2
Lưu chuyển tiền thuần	82.6	7.75	-119	14.4	65.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	124	131	12.7	27.2	92.2

(Nguồn: fireant.vn)